



ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ CỦA THỂ LOẠI DU KÍ

Nguyễn Hữu Lễ*

Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu

Ngày nhận bài: 19-12-2017; ngày nhận bài sửa: 30-12-2017; ngày duyệt đăng: 23-02-2018

TÓM TẮT

Du kí là thể loại văn học ra đời từ thời cổ đại và cũng là vấn đề của văn học đương đại. Du kí là một thể loại năng động. Trong quá trình hình thành và phát triển, du kí có những đặc điểm độc đáo: có nguồn gốc từ các cuộc hành trình sớm trong lịch sử, hiện đại hóa sớm nhất, phản ánh văn hóa phương Đông và phương Tây, tính quốc tế và hội nhập, sự lan tỏa sang các thể loại văn học khác. Những đặc điểm này phản ánh sức sống của một thể loại văn học không chính thống của văn học thế giới.

Từ khóa: nguồn gốc du kí, thể loại du kí, hiện đại hóa du kí, lịch sử du kí.

ABSTRACT

Historical characteristics of the travel writing genre

Travel writing was discussed as a literary genre in ancient times and as a matter of contemporary literature. Travel writing is a dynamic form. In the process of formation and development, there are unique features of travel writing: derived from early journeys in history, earliest modernization, reflects Eastern and Western culture, international integration, diffusion into other literary genres. These features reflect the vitality of unofficial literary genre of world literature.

Keywords: the origin of travel writing, the travel writing genre, the modernization of travel writing, the history of travel writing.

1. Mở đầu

Nghiên cứu du kí trên thế giới bắt đầu từ những năm 90 của thế kỉ XX, trong bối cảnh *Chủ nghĩa lịch sử mới* như là một trường phái nghiên cứu và phê bình văn học hậu hiện đại mà những vấn đề lí thuyết của nó được ứng dụng trong nghiên cứu ở nhiều ngành khoa học xã hội. Đối với văn học, *Chủ nghĩa lịch sử mới* đã mở rộng đối tượng nghiên cứu sang các văn bản cận văn học (sub-literary). Những vấn đề lí thuyết mà các nhà *Chủ nghĩa lịch sử mới* đặt ra đã giúp các nhà nghiên cứu du kí thế giới phân tách các diễn ngôn nghệ thuật ra khỏi những diễn ngôn chính trị, diễn ngôn lịch sử hay các văn bản của loại hình văn học phi hư cấu. Nằm trong bối cảnh của văn học hậu hiện đại với cách tiếp cận mới, nghiên cứu du kí đương đại đã làm cho những quan điểm thể loại của nghiên cứu văn học truyền thống bị lung lay. Ở Việt Nam, khi bộ *Du kí Việt Nam trên Tạp chí Nam Phong (1917-1934)* do Nguyễn Hữu Sơn sưu tầm và ra mắt bạn đọc (2007) thì cũng là lúc bắt đầu

* Email: nguyenuule@moet.edu.vn

thu hút sự chú ý của giới nghiên cứu. Các nhà nghiên cứu du kí Việt Nam chủ yếu tiếp cận du kí trên phương diện nội dung và thường tập trung vào một số nhóm tác giả, tác phẩm ở trong một giai đoạn nhất định nên chưa thấy được bức tranh toàn cảnh về một thể loại văn học đã từng ra đời từ thời cổ đại và tồn tại cho đến ngày nay. Để làm sáng tỏ những vấn đề lí thuyết của du kí, một thể loại đã bị bỏ quên trước đây, chúng tôi đã có những nghiên cứu như: *Một số vấn đề thể loại của du kí* (Tập chí *Nghiên cứu Văn học*, Số 8/2014), *Một số vấn đề về phong cách thể loại của du kí* (Tập chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, Số 6/2014), *Một số vấn đề thi pháp thể loại của du kí* (Tập chí *Khoa học Đại học Huế*, Số 7/2014), *Một số vấn đề thể tài du kí Việt Nam* (Tập chí *Nghiên cứu Văn học*, Số 5/2015). Trong bài nghiên cứu này, chúng tôi đưa ra cái nhìn tổng quan về du kí thế giới và xác định một số đặc trưng thể loại của du kí qua các thời kì lịch sử.

2. Du kí ra đời từ thuở bình minh của văn học

Bắt đầu từ những cuộc tranh luận học thuật trong những năm 90 của thế kỉ XX về vấn đề hư cấu và không hư cấu của du kí, các nhà nghiên cứu trên thế giới hoài nghi về cội nguồn của nó: từ trong văn học hay từ các văn bản ghi chép các cuộc hành trình có thực trong lịch sử?

Với việc đi tìm nguồn gốc của du kí trong văn học, nhiều ý kiến cho rằng du kí có nguồn gốc từ văn học dân gian, cụ thể là các truyện kể như thần thoại, truyền thuyết. Những người theo xu hướng tìm hiểu nguồn gốc của du kí theo cách này thường tập trung vào câu chuyện kể về các nhân vật huyền thoại mà trong các hành động anh hùng của họ có hành động chinh phục không gian. Judith Jensen đã khẳng định: thần thoại và truyền thuyết cung cấp một hình thức đầu tiên của du kí. Để chứng minh cho ý kiến của mình, ông viết: “Ví dụ, trong *Odyssey* của Homer (năm 700 TCN), người anh hùng Odysseus luôn phải đối đầu với những nguy hiểm và vượt qua thử thách nảy sinh trên hành trình trở về quê là kiểu tường thuật du kí” (Jensen, 2006, p.32). Còn Seigneuret viết trong cuốn *Từ điển của chủ đề văn học và mô típ* cũng nhận xét về câu chuyện hành trình của Odysseus: “Đôi khi những hành trình tưởng tượng đã lấy mẫu của chuyến đi biển, nơi người anh hùng du hành cùng với nhóm của mình vượt ra ngoài thế giới biết đến, nhưng trở lại một mình có liên quan đến câu chuyện về những chiến công anh hùng trong những vùng đất kì lạ” (Seigneuret, 1988, p.1293). Theo hướng tiếp cận này, du kí ra đời từ thời cổ đại, nó đã từng hiện diện trong các truyện thần thoại, truyền thuyết mà nội dung của du kí là câu chuyện huyền thoại về người anh hùng với các hành động phi thường và những câu chuyện kể về những gì mà nhân vật chứng kiến hoặc trải qua trên hành trình của mình. Ở một phương diện nào đó, du kí như là phương thức phản ánh thế giới mang tính nghệ thuật mà trong đó, cuộc hành trình chỉ là điểm tựa để nhà văn đưa vào những câu chuyện, sự tích bên cạnh câu chuyện hành trình. Carl Thompson cũng đồng tình với vấn đề này khi ông cho rằng: “mặc dù một tường thuật do tưởng tượng của một khách du lịch chủ yếu là huyền thoại, thì *Odyssey* đã khai trương truyền thống của du kí phương Tây (...). Có thể nói rằng, *Odyssey*

là một trong các tường thuật bằng văn bản sớm nhất của du lịch, và cũng là văn bản đầu tiên gây ảnh hưởng đáng kể về văn học du lịch (travel literature) sau này, ở đó có cả hai: hư cấu và phi hư cấu” (Thompson, 2011, p.34).

Còn đối với xu hướng tìm hiểu nguồn gốc du kí từ việc ghi chép lại một cuộc hành trình có thực, những nhà nghiên cứu truy tìm nguồn gốc, lịch đại của các tư liệu về các cuộc hành trình. Họ muốn mở rộng phạm vi của du kí, bao gồm tất cả các văn bản ghi chép về cuộc hành trình “... nếu chúng ta mở rộng định nghĩa về các thể loại, trong đó bao gồm những câu chuyện về cuộc hành trình kể cả những câu chuyện truyền miệng, thì không nghi ngờ gì nữa, du kí có từ thời tiền sử và kéo dài trong lịch sử. Con người đã có thể luôn luôn nói với nhau những câu chuyện về cuộc hành trình được thực hiện bởi bản thân hoặc tổ tiên của họ” (Thompson, 2011, p.34). Thompson đã dẫn ra bản tường thuật về cuộc hành trình sớm nhất trong lịch sử của một mục sư người Ai Cập tên là Wenamon vào khoảng năm 1130 TCN: “Vị mục sư này đi từ Thebes đến Labanon để mua lại ngôi đền bằng gỗ tuyết tùng. Chuyến đi của ông là một thảm họa: ông đã bị cướp, bị bọn cướp biển truy đuổi, có lúc cái chết cận kề nhưng lại thoát chết bởi bọn chúng tưởng ông cũng là cướp biển như chúng. Sau tai họa bất ngờ đó, Wenamon đã viết lại những gì mình đã trải qua. Mặc dù bản viết tay của Wenamon mang tính chấp vá, nhưng nhà sử học Lionel Casson cho rằng: đó là bản tường thuật chi tiết sớm nhất về một chuyến đi đã từng tồn tại” (Thompson, 2011, p.38).

Nếu xem cuộc hành trình là cơ sở tồn tại của tác phẩm du kí thì tính loại hình của nó không còn quan trọng, kể cả những cuốn sách ghi chép hay khảo cứu về địa lí, lịch sử đều thuộc về du kí. Với quan điểm “Việc chấp nhận ban đầu của văn học du lịch như là một hình thức phổ biến và đáng tin cậy của văn học được thể hiện bao gồm các câu chuyện kể của chuyến du lịch tới vùng Cận Đông của Herodotus, theo nhà viết sử Hi Lạp thế kỉ V trước công nguyên” (Jensen, 2006, p.21) thì cuốn sách lịch sử đầu tiên của nhân loại là một tác phẩm du kí. Herodotus (484-425 TCN) là cha đẻ của ngành sử học trong văn hóa phương Tây, tác giả của cuốn *The Histories*, một công trình khảo cứu về cuộc chiến tranh Ba Tư – Hi Lạp xảy ra từ năm 490 đến 479 TCN. Để có được cuốn sách này, Herodotus có chuyến hành trình từ nhà của mình ở Anatolia đến miền Tây Athens qua những vùng đất khác để thực hiện “cuộc điều tra” về nguồn gốc của cuộc chiến tranh Hi Lạp – Ba Tư. *The History* là “Những câu chuyện hành trình này được dựa trên những ghi chú, thư từ, nhật kí, tạp chí và các tường thuật chính thức của cuộc hành trình. Những hình thức này khác với sách hướng dẫn, chúng đều được dựa trên cá nhân, giải thích đôi khi kèm theo cảm xúc của du khách về địa điểm mới và con người chứ không phải là một danh mục phân tích các sự kiện” (Jensen, 2006, p.21). Ngoài những câu chuyện lịch sử, Herodotus đã ghi lại những câu chuyện thông qua những cuộc gặp gỡ và quan sát về những vùng đất mới lạ mà giá trị của nó là “nguồn thông tin về vùng đất cổ đại, trong đó bao gồm các vấn đề về dân tộc học, nhân loại học, địa lí, về hoạt động tâm linh, tín ngưỡng của người Hi Lạp và các dân tộc

khác” (Roxanne, 1995, p.46). *The Histories* của Herodotus không chỉ đơn thuần là một công trình khảo cứu lịch sử mà còn là một tác phẩm văn học bởi nó kết hợp nhiều yếu tố tự sự và miêu tả. Bên cạnh những ghi chép về những điều tai nghe, mắt thấy về vùng đất mới lạ, ông còn đưa vào tác phẩm của mình nhiều yếu tố hư cấu, hoang đường. Vì thế, Herodotus bị chỉ trích là “ông tổ nói láo” vì “ông ghi cả những câu chuyện cổ tích và truyền thuyết vào sử sách” (Roxanne, 1995, p.47).

Xenophon (430-354 TCN) cũng có cuộc hành trình trứ danh gắn liền với tác phẩm nổi tiếng là *Anabasis*. *Anabasis* được viết vào năm 370 TCN, kể về “một trong những cuộc phiêu lưu tuyệt vời trong lịch sử loài người” (Duran, 1939, p.460), đó là cuộc hành trình của mười ngàn người lính Hi Lạp dưới sự chỉ huy của Cyrus để đoạt lại ngai vàng từ vua Ba Tư là Artaxerxes II mà lộ trình của nó cùng với “những câu chuyện tự truyện về cuộc phiêu lưu quân sự, được kể với người thứ ba” (Alberecht, 1994, p.332) giống như câu chuyện về một “cuộc thám hiểm từ bờ biển vào nội địa của một quốc gia” theo nghĩa của từ *anabasis* trong tiếng Hi Lạp.

Sự quan tâm của các nhà nghiên cứu du kí thế giới về du kí cổ đại là những tác phẩm viết về các “cuộc hành trình với những mục đích khác nhau như để thực hiện chiến tranh hoặc thoát khỏi chiến tranh, hoạt động thương mại bằng đường bộ hoặc đường biển, thăm các đền thờ tôn giáo, cai quản các quốc gia cổ đại từ Ai Cập đến La Mã; một số khác thực hiện cuộc hành trình với nhu cầu giải trí như đến thăm tượng nhân sư, kim tự tháp hay đơn thuần là những cảnh quan” (Thompson, 2011, p.38). Trong số đó có nhiều tác phẩm, cuộc hành trình trở thành cốt truyện và có vai trò giống như cái xương sống để những câu chuyện xảy ra trên chặng đường có thực hay mang màu sắc huyền thoại gắn vào như những xương sườn xoay quanh cốt truyện xương sống đó. Những tác phẩm du kí cổ đại mà sự phong phú về loại hình và phương thức biểu đạt của chúng đã khơi nguồn cảm hứng cho văn học với nhiều thể loại khác nhau như truyền thuyết, sử thi, truyện kể, thậm chí cả những thể loại cận văn học và phi văn học như tản văn, ghi chép tư liệu, thư tín... mặc dù nó chỉ là những tác phẩm có hình thức tự sự đơn giản của văn học nhân loại thưở bình minh.

3. Du kí hiện đại hóa từ hậu kì Trung cổ

Chấm dứt thời kì cổ đại, du kí không trở thành huyền thoại như sử thi và truyền thuyết mà nó tồn tại bằng cách tự làm mới mình. Mặc dù từ thế kỉ IV đến thế kỉ XI, có nhiều đoàn hành hương của tín đồ Kitô giáo hành trình về các miền Đất Thánh như Palestine nhưng không có nhiều tác phẩm du kí bởi thể loại này luôn đòi hỏi ở chủ thể của nó mang phong cách tự do, không chấp nhận sự ràng buộc khắt khe của các đạo luật tôn giáo. Sau khi các cuộc Thập tự chinh kết thúc, du kí mới thực sự phục hưng. Lí giải vấn đề này, Thompson cho rằng: “Trong một kỉ nguyên Kitô giáo với sức mạnh của nó, sự quan tâm quá mức trong các vấn đề thể tục như vậy có thể có khả năng được phân loại là tội lỗi bởi sự tò mò (*curiositas*). Sự giáo dục của linh hồn là mối quan tâm đầu tiên của văn bản,

một hệ thống luân lí làm cho tường thuật hành hương thời trung cổ ít hơn so với việc biên dịch các đoạn văn từ Kinh Thánh” (Thompson, 2011, p.42).

Du kí hành hương tôn giáo hậu kì Trung cổ (Late Middle Ages) mang nhiều yếu tố của du kí hiện đại mà biểu hiện đầu tiên là sự thay đổi quan niệm thẩm mỹ về cuộc hành trình. Mandeville, một tu sĩ người Pháp đã thực hiện cuộc hành trình vượt biển vào năm 1322 để đi qua Thổ Nhĩ Kỳ, Tiểu Á, Cilicia, Tartary, Ba Tư, Syria, Saudi, Ai Cập, Libya, Ethiopia, Chaldea, Amazonia, Ấn Độ, Greater và nhiều nước Đông Nam Á, cuối cùng đến được Jerusalem. Cuộc hành trình này được kể lại trong tác phẩm *Những cuộc hành trình của ngài John Mandeville* (The travels of sir John Mandeville), một tác phẩm mà sức sống của nó biểu hiện bằng việc công bố rộng rãi (vào năm 1356) và được dịch ra nhiều thứ tiếng, được tái bản nhiều lần. *Những cuộc hành trình của ngài John Mandeville* là cuốn sách du kí sớm được đón nhận và có sức ảnh hưởng rất lớn bởi “sự toàn vẹn của một văn bản, một phiên bản lí tưởng vì nó rời khỏi tay của tác giả, không phải là một ý tưởng mà bất cứ ai trong thời Trung cổ có được điều này” (Moseley, 2015). Tác phẩm sớm được người đời đón nhận bởi vì nó đã vượt ra ngoài sự ghi chép tôn giáo để trở thành một tác phẩm nghệ thuật nhờ sự đan xen giữa kể và tả, giữa ghi chép địa lí với thuật chuyện hành trình, giữa bộc lộ cảm xúc với hư cấu, giữa hoang đường và hiện thực.

Nhu cầu khám phá và hiểu biết thế giới không chỉ khởi tạo động lực cho các cuộc hành trình mà còn trở thành phương thức tồn tại của du kí. Cuộc du hành nổi tiếng của Marco Polo (1254-1324) và gia đình, một thương gia người Ý trên con đường tơ lụa đến Trung Quốc được xem là cuộc hành trình lịch sử khai thông văn hóa Đông - Tây. Sau khi trở về, Marco Polo đã bị bắt trong trận thủy chiến trên biển xảy ra giữa Venezia và Genova. Bị giam trong tù, ông đã kể lại các chuyến du hành của mình cho người bạn cùng bị giam là Rustichello da Pisa, và sau đó hai người đã gộp các truyện vào cuốn *Compilation of Il Milione* (cuốn sách còn được biết đến bởi các tên khác như: *The Travels of Marco Polo*, *The description of the world*). Với 229 câu chuyện về những vùng đất, phong tục, địa lí, con người khác nhau trên chuyến hành trình của chính tác giả, *Marco Polo du kí* đã “đem lại cho độc giả châu Âu thời bấy giờ một cái nhìn đầy đủ về châu Á so với những gì mà những người đến Trung Quốc trước đó kể lại” (Polo, 2005, p.2).

Bên cạnh những tác phẩm du kí thuật chuyện hành trình kì vĩ như vượt đại dương hay xuyên lục địa còn có cả những tác phẩm tường thuật cuộc hành trình khá đơn giản: cuộc hành trình vượt địa hình. Một học giả, đồng thời là một nhà thơ thời kì Phục hưng ở Ý tên là Francis Petrarca (1304 - 1374), được coi là “người đầu tiên đi du lịch” bởi ông đã leo lên đỉnh núi Ventoux cao 1912 mét vào ngày 22 tháng 4 năm 1336 với mục đích “chỉ để đi cho vui”, mang ý nghĩa du lịch đầu tiên. Ông đã ghi lại những cảm xúc của mình trong một bức thư gửi cho Dionigi, một người xung tội cũ, được gọi là *Cuộc chinh phục núi Ventoux* (The Ascent of Mont Ventoux) mà những ghi chép này giống như “câu chuyện ngụ ngôn của khát vọng hướng tới một cuộc sống tốt hơn” (Plumb, 1965, p.4).

Từ thế kỉ XVII trở về sau, du kí còn được viết theo phong cách khảo cứu khoa học. William Dampier (1651-1715) nhà thám hiểm người Anh có 3 lần vòng quanh thế giới đã cho ra đời nhiều tác phẩm mang giá trị thông tin cao. Những tác phẩm du kí của ông biểu thị tính đa dạng của du kí hiện đại. Trong những tác phẩm du kí của Dampier, phần để nói về hoàn cảnh mà tác giả đã trải qua hay thể hiện cảm xúc trước cảnh vật rất ít, thay vào đó là sự mô tả chi tiết về sự vật và con người những nơi ông đi qua. Vì thế, du kí của Dampier luôn hấp dẫn người đọc bởi giàu tính thông tin. Cuốn *Du hành vòng quanh thế giới* (1697) của ông là sự kết hợp độc đáo của câu chuyện về cuộc phiêu lưu đi biển và câu chuyện về lịch sử của tự nhiên mà trước đó chưa hề có. Cuốn sách đã gây được sự cảm tình của công chúng và được Hội đồng khoa học Hoàng gia Anh đánh giá cao. Trong lời tựa của cuốn sách, Dampier thừa nhận rằng ông đã “lựa chọn để có được những chi tiết cụ thể và cần thiết, đối với các bạn đọc thông minh, chứ không phải bỏ qua những gì tôi nghĩ có thể có xu hướng thông tin của người có ít nhạy cảm và ham học hỏi...” (Dampier, 2010). Những mô tả của Dampier sẽ là những thông tin bổ ích cho nhiều người, nhất là những nhà hàng hải, những nhà thám hiểm hoặc giao thương bằng đường biển, trong đó ông đã lập được bản đồ đầu tiên về các hướng gió, các tọa độ bão, hải đồ, các dòng hải lưu và thủy triều...

Du kí thế giới thời kì Trung cổ có lúc chững lại để chuẩn bị cho một sự nhảy vọt. Sau thời gian này, du kí trở lại bằng sự vận động làm mới thể loại. Sự vận động của du kí không chỉ ở cảm hứng, quan điểm thẩm mĩ, phương thức biểu hiện mà cả đặc điểm nội dung, từ câu chuyện hành trình cùng với những câu chuyện huyền thoại đến những tường thuật giàu tính thông tin, có nhiều hàm lượng khoa học... Từ nội dung về một cuộc hành trình có tính phiêu lưu mạo hiểm đến những cuộc hành trình gắn với hoạt động du lịch. Lối tường thuật cũng có sự biến chuyển dạng thức, từ việc kể chuyện người sang kể chuyện mình, từ các câu chuyện mang màu sắc huyền thoại sang những câu chuyện có thực xuất phát từ những điều mắt thấy tai nghe, từ lối kể chuyện khách quan chuyển sang sự lồng ghép những cảm nhận, cảm xúc cá nhân. Về tính chất thông tin của lộ trình cũng có sự thay đổi, từ những thông tin mang tính ước đoán, phỏng đoán sang những thông tin được tái hiện một cách cẩn trọng và chính xác như những khảo cứu khoa học. Có thể nói, những văn bản du kí hiện đại xuất hiện sớm ở thời kì trung cổ như *Những cuộc hành trình của Marco Polo* và *Những cuộc hành trình của ngài John Mandeville...* mà giá trị thông tin của chúng cùng với những kinh nghiệm của những nhân vật hành trình đã khơi nguồn cảm hứng cho các nhà thám hiểm như Christopher Columbus thực hiện các cuộc hành trình khám phá châu Mỹ ở các năm 1492, 1504. Sự vận động đó đã góp phần đặt nền móng cho du kí thời kì hiện đại, cả trên phương diện lịch sử và nghệ thuật. Có thể nói: lịch sử của du kí đã vượt ra ngoài phạm vi của nó để đến với lịch sử của nhân loại trên hành trình chinh phục không gian, kết nối các nền văn hóa. Đó là một sự chuẩn bị cho thời đại toàn cầu hóa mà sự làm mới thể loại của du kí được xem như là một tác nhân của sự thay đổi.

4. Đặc trưng du kí phương Đông và phương Tây ở thời kì Trung đại

Du kí phương Đông ra đời muộn hơn so với phương Tây. Bên cạnh một số điểm tương đồng, nhìn chung du kí phương Đông và du kí phương Tây có nhiều khác biệt, mà cái tạo nên sự khác biệt đó chính là tính chất của cuộc hành trình, tức là văn hóa đi lại. Nếu tiếp cận từ phương diện lịch sử văn hóa, có thể nhận thấy du kí phương Đông có những đặc trưng cơ bản tạo nên sự khác biệt với du kí phương Tây.

Du kí phương Đông không có các cuộc hành trình xuyên lục địa khám phá thế giới, hoặc những cuộc hành trình mang tính lịch sử như trong du kí phương Tây nhưng cũng có nhiều cuộc hành trình trở thành huyền thoại. *Đại Đường Tây vực kí* là tác phẩm du kí hành hương tôn giáo sớm nhất trong du kí phương Đông, với các câu chuyện xoay quanh cuộc hành trình của nhà sư Đường Huyền Trang về đất Phật vào thế kỉ VII, một tác phẩm mẫu mực của du kí Trung Quốc. Con đường vạn dặm mà nhà sư Huyền Trang đi qua trong *Đại Đường Tây vực kí* cũng chính là con đường tơ lụa từ Trường An, đi qua Ba Tư (Iran ngày nay) rồi đến La Mã, con đường giao thương nối liền châu Á với châu Âu và ngược lại.

Nếu những hành động vượt qua không gian của du kí phương Tây bằng sự hường ngoại để làm nên sự nổi tiếng cho nhân vật thì các cuộc hành trình của nhân vật của du kí phương Đông thường mang mục đích hướng nội. Cuộc du hành của vị thiền sư lỗi lạc người Nhật Bản tên là Matsuo Basho (1644-1694) vào thế kỉ XVII cũng được xem là cuộc du hành trú danh để trải nghiệm bản thân trên con đường hành đạo. Trong khi danh tiếng Matsuo Basho lan tỏa khắp mọi nơi thì ông lại muốn trở thành một du nhân, không phải vì ham muốn du lịch mà là để tìm con đường cho chính mình để đạt được đại ngộ. Để đạt được mục đích này, từ mùa thu năm 1684 đến năm 1689, Basho đã thực hiện 4 cuộc hành trình đi qua nhiều vùng đất xa xôi của đất nước Nhật bản. Chuyến đi đầu tiên, theo con đường ven biển, Basho hướng về phía Tây, thăm lại cố hương, rồi đi Nagoda và trở về lại Edo vào mùa hạ năm sau. Chuyến đi này được ông ghi chép lại và trở thành tập du kí đầu tiên mang tên *Nhật kí phơi thân đồng nội* (Nozarashi kiko). Chuyến đi thứ hai của ông vào năm 1687, đến thăm vị thiền sư Bucho ở đền Kashima cùng với hai cây anh đào nổi tiếng Yoshino. Chuyến đi này ông cho ra mắt tập *Kashima du kí* (Kashima kiko). Ngay sau chuyến đi Kashima, Matsuo Basho lại thực hiện cuộc hành hương trong một năm trời từ Edo về bờ biển Suma, từ Akashi đến thôn Sarashina để được tận hưởng mùa trăng trên đỉnh núi Obasute. Chuyến đi này, ông cho ra đời hai tập nhật kí thơ ca khác là *Ghi chép trên chiếc túi hành hương* (Oi no kubun, 1688) và *Nhật kí về thôn Sarashina* (Sarashina kiko, 1688). Đây là những trang du kí thể hiện cảm xúc, tình yêu đối với thiên nhiên vô cùng nồng nàn, là lời kêu gọi say đắm “trở về với thiên nhiên”. Chuyến hành trình về phương Bắc là chuyến hành trình dài ngày và gian khổ nhất của Basho vào tháng 3 năm 1689, vượt qua hơn 2500 ki-lô-mét trong 151 ngày là quá trình sinh nở tác phẩm du kí nổi tiếng của ông *Lối lên miền Oku* (Oku no hoshomichi).

Dùng phương thức trữ tình để phản ánh hiện thực là đặc trưng cơ bản của du kí phương Đông. Du kí cổ đại Trung Quốc xuất hiện từ thời nhà Tần (221-207 TCN) và kéo dài sang thời nhà Hán (206 TCN – 220). Trong cuốn *Lịch sử văn học Trung Quốc*, Yuan Xingpei gọi du kí thời kì này là thời kì phôi thai với hình thức là những ca từ, thơ cổ phong (như những mảnh ghép) ghi chép về cảnh quan thiên nhiên mà những nhà thơ hoặc lữ khách dạo chơi. Du kí Trung Quốc phát triển rực rỡ từ thời nhà Tống (960-1279), sau thời đại hoàng kim của thơ ca đời Đường. Với hình thức ca từ, những nhà thơ thời Tống đã thuật lại những chuyến du lãm nơi núi rừng, cảnh quan thơ mộng. Cuốn *Lịch sử văn học Trung Quốc* có nhắc đến Âu Dương Tu (1007-1072), người có khúc ca từ được nhiều người nói đến là *Tiếng hát của người say rượu cũ*. Bài du kí viết theo lối ca từ này nói về cảnh quan núi Chu đã làm say lòng người đến nỗi người “lữ khách là người đã uống rượu và cơn say đã qua đi, người khách đó nhìn cảnh vật và không còn quan tâm đến rượu vì rượu không làm say con người như cảnh vật, âm thanh ở nơi đây” (Yuan Xingpei, 1999, p.138). Tác phẩm của Âu Dương Tu không nhằm thuật chuyện cuộc hành trình mà biểu thị suy nghĩ, cảm xúc về cảnh quan nơi mình đến giống như cách mà Petrarch sáng tác *Cuộc chinh phục núi Ventoux* như đã nói trên.

Du kí Nhật Bản cũng mang màu sắc phương Đông và có những đóng góp quan trọng cho thể loại này. Sau những cuộc hành trình vạn dặm qua nhiều nơi trên đất nước mình, Basho không chỉ cho ra đời những tác phẩm du kí nổi tiếng. Trong *Lối lên miền Oku*, Basho được xem là người làm mới nghệ thuật du kí bằng việc sáng tạo thể thơ hai-ku bởi trong mỗi đoạn ông đã kết hợp giữa hình thức tản văn để miêu tả cảnh vật, thuật chuyện hành trình với các bài thơ hàm súc, giàu tính triết lí.

Ảnh hưởng văn hóa và văn học Trung Hoa, du kí Việt Nam thời kì Trung đại chủ yếu là ở các dạng thức trữ tình về các cuộc hành trình thường ngoạn danh lam thắng cảnh, một số tác phẩm gắn liền với các cuộc hành trình công vụ diễn ra nhiều ngày như *Thượng kinh kí sự* của Lê Hữu Trác hay *Sứ Hoa nhân vịnh* của Trịnh Xuân Thụ. Những tác phẩm này mang đặc trưng của du kí phương Đông: đan xen giữa phương thức tự sự với phương thức trữ tình. Cũng giống như *Lối lên miền Oku* của Basho, *Sứ Hoa nhân vịnh* của Trịnh Xuân Thụ cũng thuật chuyện hành trình bằng các đoạn văn đánh dấu các địa danh như là các cột mốc trên đường và trong mỗi đoạn văn đó có bài thơ tứ tuyệt (Nguyễn Hữu Lễ, 2015, tr.350).

Có thể nói rằng tính hướng nội là đặc trưng của du kí phương Đông. Du kí phương Đông không có nhiều tác phẩm có dung lượng lớn để chứa đựng thông tin về những cuộc hành trình kì vĩ, hùng tráng hoặc li kì, cùng với những nhân vật tên tuổi lừng lẫy như du kí phương Tây mà phổ biến là những tác phẩm có hình thức tự truyện, biên văn, tản văn xen lẫn với thơ hoặc mỗi tác phẩm là một hoặc một số bài thơ.

5. Tính quốc tế và sự hội nhập của du kí thời kì thuộc địa

Tính quốc tế trong văn học được hiểu là nội dung và các phương thức phản ánh vượt ra ngoài phạm vi của một quốc gia, không phụ thuộc vào tính dân tộc. Trên phương diện đề tài, tính quốc tế trong văn học phản ánh những vấn đề mang tính toàn cầu, những vấn đề được cộng đồng quốc tế quan tâm. Về phương thức phản ánh, tính quốc tế trong văn học biểu hiện ở các mô-típ thể loại ảnh hưởng đồng thời trong văn học của các dân tộc như là một trào lưu. Tính quốc tế của du kí biểu thị sự năng động của một thể loại mà sự tồn tại của nó phụ thuộc rất nhiều vào bối cảnh của văn hóa và xã hội trên phạm vi toàn cầu. Tính quốc tế và hội nhập của du kí thể hiện một cách đầy đủ nhất bắt đầu từ thời kì thuộc địa, thời kì tiếp nối thời kì Phục Hưng ở phương Tây, bắt đầu từ thế kỉ XVI cho đến những năm 1960, là lúc thế giới không còn chế độ thuộc địa. Sự mở rộng giao lưu văn hóa giữa các quốc gia trên thế giới bằng chính sách thực dân đã tạo điều kiện cho thể loại du kí đến được với các nền văn hóa mà trong lịch sử văn học của các quốc gia đó chưa có thể loại này như các nước châu Phi, các nước Mĩ la-tinh, thậm chí ở cả nền văn học lớn như Ấn Độ. Các nhà nghiên cứu đánh giá đây là thời kì hoàng kim của du kí. Với một số lượng khổng lồ về tác giả và tác phẩm cùng với tính đa dạng và biến thể của nó, du kí tồn tại như là hình thức giao lưu văn hóa xuyên quốc gia; và khi đã đi vào quá khứ thì nó là kho tài liệu quan trọng ghi lại dấu ấn văn hóa của dân tộc và nhân loại trong những thời điểm lịch sử cụ thể. Vì thế, du kí thời kì này đã tạo ra sự chú ý cho các nhà nghiên cứu thế giới trong khoảng vài thập niên gần đây.

Bắt đầu từ thế kỉ XVI, những cuộc xâm chiếm thuộc địa của các đế quốc châu Âu đã có những tác động tích cực đến việc đi lại giữa các châu lục và sự ra đời của ngành du lịch ở nhiều quốc gia. Nhu cầu khám phá các nền văn hóa đã đi kèm với thái độ phê phán xã hội, nhất là vào những thời điểm trỗi dậy của phong trào đòi xóa bỏ chế độ nô lệ đã thúc đẩy các cuộc hành trình đến các nước thuộc địa của du khách và các nhà văn. Sự ra đời của các công ti du lịch với sự tổ chức các khóa học dành cho du khách mà nội dung của các khóa học này, ngoài những chỉ dẫn, hướng dẫn hành trình, giới thiệu các nền văn hóa, các danh thắng nổi tiếng, du khách còn được tiếp thu kinh nghiệm của những nhà du hành trước đó thông qua các tác phẩm du kí. Điều này không chỉ kích thích sự tò mò, nhu cầu muốn được khám phá thế giới mà còn là sự tìm kiếm cơ hội khẳng định bản thân, tìm sự khác biệt cả về cách đi và cách tường thuật trong văn bản du kí để tạo sự độc đáo của những du khách và các nhà văn. Những sản phẩm du lịch được các công ti du lịch ấn loát và quảng bá để trở thành dấu ấn văn hóa cá nhân trong cộng đồng di chuyển.

Đồng hành với hành trình xâm chiếm thuộc địa là hành trình của các nhà truyền giáo châu Âu đến những quốc gia xa xôi. Du hành tôn giáo ở thời kì này có nhiều điểm khác với hành hương tôn giáo của thời kì Trung cổ. Công việc đầu tiên của các nhà truyền giáo châu Âu là nghiên cứu ngôn ngữ của các dân tộc ở các châu lục. Khi sự khác biệt ngôn ngữ đã được giải quyết thì những trở ngại của việc khám phá các nền văn hóa không còn là vấn đề

nữa. Đây còn là cơ hội cho nhiều người muốn xác minh tính chân thực của những tác phẩm du kí quá khứ. Còn đối với các nhà truyền giáo, sự khác biệt ngôn ngữ được xóa bỏ, đồng nghĩa với đức tin, phong tục, tập quán sống sẽ được thay đổi. Vì thế, nhiều ghi chép của các cố đạo người Tây Ban Nha, người Pháp, người Ý không chỉ là những thông tin hành trình hay công việc tôn giáo mà còn mang cả yếu tố văn học. Mặt khác, khi tôn giáo đã thâm nhập vào nhiều nước ở các châu lục, nhu cầu đào tạo các chức sắc tôn giáo ngày càng tăng. Những ghi chép hành trình đến các nước phương Tây của những người theo đạo Kitô ở các nước thuộc địa cũng góp phần vào sự đa dạng hình thức của du kí.

Du kí thời kì thuộc địa cũng là thời kì du kí nữ lên ngôi. Chủ nghĩa nữ quyền xuất hiện lần đầu tiên ở châu Âu vào thế kỉ XIX nhưng vấn đề nữ quyền xuất hiện trong du kí từ thế kỉ XVIII. Trong chuyến hành trình theo chồng từ nước Anh đến Thổ Nhĩ Kỳ trong những năm 1716-1718, bà Mary Wortley Montagu (1689-1762) đã viết những bức thư, bài luận, công văn ngoại giao và biên tập thành cuốn sách du kí có nhan đề *Woman not Inferior to Man* xuất bản năm 1739. Với cuốn sách này, Montagu được xem là nữ nhà văn du lịch thế giới hiện đại đầu tiên về Trung Đông (Cassidy, 2012). Kể từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, người ta đã chứng kiến một sự gia tăng đột biến của du khách nữ châu Âu và châu Mỹ, nhiều người trong số họ là tác giả của những tác phẩm du kí mang tính phiêu lưu, hấp dẫn người đọc ở mọi thời đại. Theo như các nhà nghiên cứu, công nghiệp hóa đã gia tăng các phương tiện đi lại và phụ nữ cũng dễ dàng đi du lịch hơn. Điều quan trọng là vào cuối thế kỉ XIX, chủ nghĩa đế quốc châu Âu đã làm cho nhiều khu vực của thế giới trở nên “an toàn” cho du khách là phụ nữ. Phụ nữ thường lựa chọn các cuộc hành trình ít mạo hiểm, vì thế mà họ thường đến những nơi mà ở đó có thể không còn là sự độc đáo đối với du kí, thay vào đó họ luôn tìm cách thể hiện cách nhìn hiện thực của mình, ít nhất là ở phương diện giới tính và vấn đề bình đẳng giới, những điều từng gây sốt trong xã hội ở châu Âu (Siegel, 2004). Chẳng hạn trong cuốn *The Desert and the Sown*, Gertrude Bell tường thuật lại cuộc hành trình của mình bằng một niềm tin và sự can đảm để đến những nơi mà người khác nghĩ không thể đến được, đó là sự thâm nhập vào nhiều khu vực của thế giới Ả Rập, lập bản đồ khảo cổ ở đó. Với những công bố trong cuốn sách nói trên và nhiều bài đăng trên các tạp chí, bà được coi là người tìm thấy Iraq hiện đại. Mary Kingsley cũng đã thực hiện hai lần du hành Tây Phi vào các năm 1893 và 1895. Sau 2 năm của các cuộc hành trình này, bà đã ra mắt độc giả cuốn du kí *Du hành ở Tây Phi* (*Travels in West Africa*, 1897), mà sự nổi tiếng của cuốn sách là bởi quan điểm của tác giả về những vấn đề văn hóa gây tranh cãi ở Tây Phi.

Bước sang thế kỉ XX, du kí thế giới cùng đồng hành trên một con đường của hiện đại hóa. Đây là thời điểm mà con người nhận ra có nhiều sự thay đổi trong xã hội hiện đại, khi mà du lịch được xem như là phương thức giáo dục. Cùng với thực hiện cuộc hành trình, những tường thuật cuộc hành trình theo cách riêng của cá nhân như là một minh chứng cho khát vọng tìm kẻ khác ta ở bên con người trong xã hội hiện đại. Mặt khác, sự tác động của

xã hội công nghiệp làm cho con người cảm thấy ngột ngạt và muốn tìm kiếm cuộc sống tự nhiên. David Herbert Lawrence (1885-1930) đã viết trong *Twilight in Italy* (1916): “London và các quận công nghiệp ở Anh đã lan rộng như một bóng tối trên khắp thế giới, khủng khiếp, như chấu dút và hủy diệt (...). Và nước Anh đang chinh phục thế giới bằng máy móc và hủy diệt khủng khiếp đối với cuộc sống tự nhiên. Lawrence đã chinh phục được cuộc sống tự nhiên cho đến cuối cùng: cô đã trang bị đầy đủ cho mình những gì cần thiết để chinh phục thế giới bên ngoài và hài lòng với sự tự khám phá” (Lawrence, 1916, p.37). Du lịch trong thế kỉ XX, cũng là một nỗ lực để thoát khỏi cuộc sống hiện đại, hoặc giảm đi sự ám ảnh của cuộc sống hiện đại. Vì thế, những cuộc hành trình trở về với thế giới tự nhiên, lần tìm dấu tích của thế giới cổ đại với các mục đích khác nhau như: tò mò, chiêm ngưỡng, khảo cứu khoa học... không còn là vấn đề của một quốc gia hay dân tộc mà nó mang ý nghĩa quốc tế. Sự quan tâm của các nhà nghiên cứu du kí thế giới, các công ti du lịch xuyên lục địa đã làm cho du kí ngày càng trở thành phương thức kết nối thế giới.

6. Sự tương tác thể loại và sức mạnh nghệ thuật của du kí

Các cuộc hành trình đã làm nên thể loại du kí, nhưng nó cũng trở thành đề tài và cảm hứng cho các thể loại khác. Nếu không kể truyền thuyết và sử thi thời kì cổ đại thì trong khoảng chục thế kỉ nay đã có nhiều tiểu thuyết ra đời lấy cảm hứng từ các tác phẩm du kí hay cuộc hành trình của các nhân vật trong lịch sử như *Tây du kí* (1590) của Ngô Thừa Ân, *Lịch sử cuộc sống và chuyến đi của Christopher Columbus* (1828) của Washington Irving... Sự ra đời của tiểu thuyết thám hiểm không thể không liên quan đến sự khơi nguồn cảm hứng từ những tác phẩm du kí với các cuộc hành trình mang tính phiêu lưu mạo hiểm trong quá khứ.

Nói về sự tương tác giữa du kí và tiểu thuyết, trong cuốn *Du kí và sự tiến hóa của tiểu thuyết*, (Travel Literature and the Evolution of the Novel), Adams, Percy, G. đã viết:

...thế kỉ chúng ta các nhà văn du lịch đã khai thác hoặc đi theo con đường văn chương, ít nhất theo ba cách: làm học trò để theo dấu vết của nền văn hóa Hi Lạp bằng tàu biển qua Địa Trung Hải như Odysseus hi vọng tìm thấy giải đáp sự hoài nghi của mình; những người đam mê của một loại khác đã đi theo các bước của Johnson và Boswell ở Scotland và Hebrides để chồng lên thời hiện tại của thế kỉ XX vào một thời gian trước đó, như nhân vật chính của Sterne đã làm khi ông dừng lại sau chuyến thăm lần thứ hai tới Lyons và viết những ấn tượng của mình; và như cách của Jonathan Raban đã làm với tác phẩm *Ả Rập: một cuộc hành trình qua mê cung* (Arabia: A Journey through the Labyrinth), và nghệ thuật tiểu thuyết hiện đại trong miêu tả cuộc phiêu lưu của Huck Finn trên sông Mississippi (trong tiểu thuyết *Cuộc phiêu lưu Huckleberry Finn* của Mark Twain) đã tạo cảm hứng cho tác phẩm du kí nổi tiếng khác của ông là *Old Glory* mà “cốt truyện ... được viết bằng dòng chảy hiện tại của dòng sông” - một cuốn sách quảng cáo du lịch có thể tạo ra sự mê hoặc vô tận cho một cuốn tiểu thuyết thám hiểm tuyệt vời. (Adams, 1983, p.283).

Thời kì vàng son của du kí vào khoảng thế kỉ XIX đến nửa đầu thế kỉ XX. Đây là giai đoạn mà văn học của nhiều quốc gia phương Đông, trong đó có Việt Nam, diễn ra quá

trình hiện đại hóa. Hiện đại hóa văn học không thể không kể đến sự tương tác thể loại giữa du kí với các thể loại khác. Các tác phẩm du kí như *Một chuyến đi* của Nguyễn Tuân, *Đi Tây* của Nhất Linh đều sử dụng các phương thức tự sự của tiểu thuyết. Sự phát triển của tiểu thuyết đã cung cấp cho du kí những phương thức trần thuật và phản ánh hiện thực khác nhau. Đặc biệt, những tiểu thuyết có yếu tố phiêu lưu mạo hiểm như tiểu thuyết thám hiểm, tiểu thuyết trinh thám đã cung cấp các sự kiện xã hội của các văn hóa dị biệt của “một nền văn học giạt gân” (Thompson, 2011, p.22) như: sự đắm tàu, sự dã man của các bộ lạc và người da đỏ, sự bắt giữ con tin... đã tác động đến tâm lí thích phiêu lưu, mạo hiểm của một bộ phận du khách, khi mà họ cho rằng sự phiêu lưu đi tìm các vùng đất mới không còn thích hợp nữa. Từ vấn đề này, khi phân loại du kí theo tính chất của cuộc hành trình, nhiều người đồng tình với cách phân loại du kí thời kì cận hiện đại ở hai dạng thức: hành trình mạo hiểm và hành trình ít mạo hiểm. Ở đầu thế kỉ XXI, xu hướng du kí pha trộn tiểu thuyết khá phổ biến và thường chọn các cuộc hành trình ít mạo hiểm làm đề tài như *Du kí* của Trần Bạch Đằng, *Sydney yêu thương* và *Bí mật ở Cannes* của Trung Nghĩa, *Một mình ở châu Âu* của Phan Việt, *Xách ba lô lên và đi* của Huyền Chíp... Sự phát triển của du kí cho đến thời điểm này đã phân tách rạch ròi tác phẩm du kí với hình thức khác của du kí như giới thiệu và quảng cáo du lịch, lôi kéo du kí đến gần hơn với tiểu thuyết.

7. Kết luận

Kể từ khi con người thực hiện khát vọng chinh phục thế giới bằng hành trình vượt không gian và thuật lại hành động đó bằng cảm nhận của chính mình thì cũng là thời điểm du kí ra đời. Khát vọng này luôn đồng hành cùng văn học. Trong các thể loại văn học, du kí là một trong những thể loại có một sức sống và sự trường tồn một cách mạnh mẽ. Để du kí tồn tại như chính đặc điểm thể loại của nó, không nên dùng những tiêu chí khắt khe để đánh giá, cũng không thể phủ nhận sự tồn tại của du kí bằng những lí lẽ, cũng như không thể xem thực dụng không phải là giá trị của văn học. Du kí tồn tại bởi những giá trị mà cuộc sống đặt ra cho nó ở từng thời điểm buộc nó phải thích ứng. Lịch sử của du kí chính là lịch sử của những giá trị mà con người đạt được qua sự chinh phục không gian và chính mình. Vì thế, làm sáng tỏ vấn đề lịch sử của du kí không chỉ là sự bổ sung những khiếm khuyết trong nghiên cứu văn học, mà còn phản ánh sự tồn tại khách quan của thể loại này.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Adams P. G. (1983). *Travel Literature and the Evolution of the Novel*. The University press of Kentucky.
- Albrecht, M. V. (1994). *Geschichte der römischen Literatur Band 1* (History of Roman Literature, Volume 1). Munich, 2nd ed.
- Cassidy A. B. (2012). *Lady Mary Wortley Montagu and the Sublime Porte*. The thesis presented for the B.A. degree. The University of Michigan.
- Dampier, (12/12/2010) W., *A new voyage round the world*, <http://gutenberg.net.au/ebooks05/0500461h.html>.
- Durant W. (1939). *The Story of Civilization*. Volume 2: The Life of Greece, Simon & Schuster, New York.
- Jensen J. A. (2006). *Unpacking the travel writers' baggage: imperial rhetoric in travel literature of Australia 1813-1914*. PhD thesis, James Cook University.
- Lawrence, D.H. (1916). *Twilight in Italy*. Duckworth & CO., London, W.C.
- Nguyễn Hữu Lễ (2015). Văn du kí Trung Đại Việt Nam – Nhật bản, những điểm tương đồng và khác biệt. Kĩ yếu Hội thảo quốc tế “Văn hóa Việt Nam và Nhật Bản: hội nhập và phát triển”, ngày 11/12/2015. Trường Đại học KHXH&NV TPHCM, tr.349-364.
- Moseley, C. (2015). The Travels of Sir John Mandeville and the Moral Geography of the Medieval World. *Journal of Multidisciplinary International Studies*. vol. 12, no. 1, January 2015.
- Plumb, J. H. (1965). *Renaissance Profiles*. First Harper Torchbook Edition edition.
- Polo M.; Smethurst P. (2005). *The Travels Of Marco Polo*. Barnes & Noble Publishing, Inc.
- Roxanne, L. E. (1995). *Journeys to the Other Shore: Muslim and Western Travelers in Search of Knowledge*. published by Princeton University, New York.
- Seigneuret, J. (ed.) (1988). *Dictionary of Literary Themes and Motifs*. New York.
- Siegel K. editor (2004). *Gender, Genre, and Identity in Women's Travel Writing*. Peter Lang publishing, Inc., New York.
- Thompson, C. (2011). *Travel Writing*, Routledge published. New York.
- Yuan Xingpei (1999). *History of Chinese Literature* (中国文学史). 4 vols. Beijing: Gaodeng jiaoyu chubanshe.